

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Nguyễn Đức Toàn.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2021/QĐXXST-HN, ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HN, ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Ngọc Q**, sinh năm 1985.

*Địa chỉ:* ấp A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1986.

*Địa chỉ:* ấp I, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Ngọc Q (sau đây gọi chị Q) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Minh H (sau đây gọi anh H) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; từ đó cuộc sống luôn cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ

năm 2016 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh H.

-Về con chung: có một người con chung tên Nguyễn Trần Minh H (nam), sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015; Từ khi ly thân đến nay con chung sống với chị Q, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Minh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trần Ngọc Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Nguyễn Minh H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Q và anh H qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q: chị và anh H trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị trình bày do anh H không chung thủy là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng nhưng không tìm được giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ, anh H vắng mặt, chứng tỏ rằng anh cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi chị Q xác định vì ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng với anh H và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[5] Về con chung: có một người con, xét từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị Q nuôi, chị cũng có yêu cầu nuôi con, xét con chung có đời sống ổn định với chị Q, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao cháu cho chị Q nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Q, anh H có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Q chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa Trần Ngọc Q và Nguyễn Minh H.
2. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Trần Minh H (nam), sinh ngày 24 tháng 01 năm 2015 cho Trần Ngọc Q được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Q, anh H có yêu cầu khác.

Nguyễn Minh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Nguyễn Minh H mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Trần Ngọc Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007585, ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND TT T,
- h. A, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**  
**Nguyễn Thanh Liêm**